

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **169/2020/DS-ST**
Ngày: 03-9-2020.
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Chót

- Ông Phạm Minh Đạt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/QĐST-DS ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị R, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú: Số 98/1 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị R: Chị Đặng Huỳnh N sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: Số 78/6 ấp ANA, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt

Bị đơn: Ông Diệp Văn T, sinh năm 1949. Địa chỉ cư trú: Số 124/2 ấp TM, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng chị Đặng Huỳnh N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị R trình bày:

Trước đây, bà Phạm Thị R có cho ông Diệp Văn T vay tiền nhiều lần với số tiền 24.000.000 đồng; lãi suất và thời hạn vay do hai bên thỏa thuận; việc cho vay do hai bên thỏa thuận cũng không có làm giấy tờ gì.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T có trả cho bà R được 6.000.000 đồng tiền vốn vay. Số tiền ông T còn nợ lại là 18.000.000 đồng nhưng ông T không đồng ý trả cho bà R nên bà R. Ngày 15/6/2019 tại nhà ông Nguyễn Văn

Hào ấp khu phố 1, thị trấn Thanh Phú có tiến hành hòa giải liên quan đến số tiền vay giữa bà R và ông T. Tại biên bản ngày 15/6/2019 hai bên thống nhất ông T còn nợ bà R số tiền 18.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận ông T có trả góp cho bà R mỗi ngày 100.000 đồng trong thời hạn 43 ngày. Bà R thừa nhận nội dung biên bản ngày 15/6/2019 là đúng và chữ ký trong biên là của bà R. Việc ông T trình bày là ông có trả góp cho bà R mỗi ngày 100.000 đồng, trả trong thời hạn 04 tháng 3 ngày là không đúng, bà R không có nhận số tiền này.

Do ông T có trả góp cho bà R mỗi ngày 100.000 đồng trong thời hạn 43 ngày với số tiền 4.300.000 đồng nên bà R đồng ý trừ vào số tiền vốn vay 18.000.000 đồng cho ông T, số tiền ông T còn nợ lại bà là 13.700.000 đồng.

Tại phiên tòa chị yêu cầu ông Diệp Văn T có nghĩa vụ giao trả cho bà Phạm Thị R số tiền 13.700.000 đồng, bà R yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi. Ông T yêu cầu được trả cho bà R 10.000.000 đồng tiền vốn vay thì bà R không đồng ý.

Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện ông Diệp Văn T đối với số tiền 4.300.000 đồng.

Bà Phạm Thị R không yêu cầu bà Võ Ánh H là vợ ông T có nghĩa vụ liên đới với ông T trả nợ cho bà

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Diệp Văn T trình bày:

Vào năm 2017 ông có vay tiền của bà Phạm Thị R các lần như sau:

Lần 1: Ngày 01/01/2017 ông vay 1.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 200.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay không thỏa thuận.

Lần 2: Ngày 13/01/2017 ông vay 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 200.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay không thỏa thuận.

Lần 3: Ngày 02/3/2017 ông vay 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 200.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay không thỏa thuận.

Lần 4: Ngày 02/7/2017 ông vay 3.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 200.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay không thỏa thuận.

Lần 5: Ngày 09/11/2017 ông vay 6.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 200.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay không thỏa thuận.

Tổng cộng các lần vay là 18.000.000 đồng, các lần giao nhận tiền cũng không có làm giấy tờ gì. Từ khi vay hàng tháng ông có trả lãi đầy đủ cho bà R trong thời hạn 13 tháng, với số tiền bao nhiêu ông không nhớ. Các lần ông có trả lãi cho bà R nhưng không có làm giấy tờ gì nên hiện nay ông không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án.

Ông trả lãi cho bà R hết 13 tháng, sau đó gia đình ông khó khăn nên không có khả năng đóng lãi tiếp. Do đó ông và bà R thỏa thuận chuyển sang trả góp hàng ngày là 100.000 đồng. Như vậy ông có trả góp cho bà R từ ngày 06/4/2018 đến ngày 03/8/2018 (tức là ông trả góp được 4 tháng 03 ngày), với số tiền 12.300.000 đồng, việc ông trả góp cho bà R trong thời hạn 4 tháng 03 ngày với số tiền 12.300.000 đồng thì do hai bên thỏa thuận không có làm giấy tờ gì nên ông cũng không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Ông thừa nhận tại nhà ông Nguyễn Văn Hào ấp khu phố 1, thị trấn Thanh Phú có hòa giải tranh chấp giữa ông và bà R. Tại biên bản ngày 15/6/2019 ông trình bày là có trả góp cho bà R mỗi ngày 100.000 đồng trong

thời hạn 4 tháng 03 ngày với số tiền 12.300.000 đồng nhưng ông không biết vì sao biên bản lại ghi là 43 ngày; tuy nhiên do ông không có chứng cứ gì để cung cấp nên ông đồng ý biên bản và cũng không có khiếu nại biên bản này. Tại phiên tòa bà R đồng ý khấu trừ 43 ngày trả góp với số tiền 4.300.000 đồng thì ông đồng ý.

Ông thừa nhận ông còn nợ bà R 5.700.000 đồng nhưng ông đồng ý giao trả cho bà R số tiền 10.000.000 đồng và ông yêu cầu trả dần mỗi tháng trả 500.000 đồng, trả dần cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện ông đối với số tiền 4.300.000 đồng thì ông đồng ý.

Bà Võ Ánh H là vợ của ông nhưng bà không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà R và ông. Bà R không yêu cầu bà Võ Ánh H là vợ ông có nghĩa vụ liên đới với ông trả nợ cho bà R thì ông đồng ý.

Đối với số tiền lãi trước đây ông đã trả cho bà R rất nhiều nhưng ông không nhớ bao nhiêu và đã thực hiện xong nên ông không yêu cầu tính lãi lại

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các đương sự thống nhất ông T có nợ bà R số tiền 18.000.000 đồng nhưng không thống nhất số tiền ông T có trả góp mỗi ngày cho bà R. Tuy nhiên theo biên bản ngày 15/6/2019 thì bà R, ông T thừa nhận có ký trong biên bản là của ông bà nên có căn cứ xác định ông T còn nợ lại bà R là 13.700.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị R, buộc ông Diệp Văn T có trách nhiệm giao trả cho bà Phạm Thị R số tiền 13.700.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Diệp Văn T có đăng ký thường trú tại số 124/2 ấp TM, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Phạm Thị R yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Diệp Văn T giao trả cho bà số tiền 13.700.000 đồng; Ông T đồng ý trả cho bà R 10.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà R. Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà R, ông T thống nhất ông T có vay của bà R số tiền 18.000.000 đồng. Đồng thời thừa nhận biên bản ngày 15/6/2019 là đúng chữ ký của bà R, ông T. Ông T cho rằng tại buổi hòa giải ông trình bày có trả góp cho bà R được 04 tháng 03 ngày nhưng trong biên bản đã ghi 43 ngày thì việc này không được bà R và ông Nguyễn Văn

Cư là người ghi biên bản thừa nhận. Đồng thời ông T cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh ông có trả góp cho bà R được 04 tháng 03 ngày nên lời trình bày là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ đó có căn cứ xác định ông T có vay của bà R số tiền 18.000.000 đồng, ông T có trả cho bà R số tiền 4.300.000 đồng và ông T còn nợ lại bà R số tiền 13.700.000 đồng.

[4] Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị R với ông Diệp Văn T là do hai bên thỏa thuận nhưng được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 116, Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà R trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà R. Lễ đó, việc bà R yêu cầu ông T phải giao trả cho bà số tiền 13.700.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của ông T xin được giao trả 10.000.000 đồng và trả nợ dần cho bà R. Xét thấy ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh An trong một thời gian dài đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà R. Mặc khác tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần và giảm nợ cho ông T. Do đó yêu cầu của ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện ông Diệp Văn T đối với số tiền 4.300.000 đồng, xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do bà Phạm Thị R không yêu cầu tính lãi, đồng thời bà R không yêu cầu bà Võ Ánh H là vợ ông T phải liên đới với ông T để trả nợ cho bà R nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Ông Diệp Văn T không có yêu cầu tính lãi lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Ông Diệp Văn T là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b, khoản 2 Điều 227, 228, 238, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị R.

Buộc ông Diệp Văn T có nghĩa vụ giao trả cho bà Phạm Thị R số tiền 13.700.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị R đối với số tiền 4.300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Do bà Phạm Thị R không yêu cầu tính lãi, đồng thời bà Phạm Thị R và ông Diệp Văn T không yêu cầu bà Võ Ánh H là vợ ông Diệp Văn T phải liên đới với ông Diệp Văn T để trả nợ cho bà Phạm Thị R nên không xem xét giải quyết.

Do ông Diệp Văn T không yêu cầu tính lãi lại nên không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Diệp Văn T là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí.

Bà Phạm Thị R được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 450.000 đồng theo biên lai thu số 0011663 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

**Caùc Hoài thaảm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaảm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

